



VĨNH PHÚC KHAI THÁC LỢI THẾ TIỀM NĂNG ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN LẠI

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc thuộc vùng châu thổ sông Hồng - cửa ngõ Tây Bắc Thủ đô Hà Nội, dân số 1,2 triệu người, diện tích 1.371 km², là một trong tám tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, có vị trí địa lý hết sức thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được sau 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, 5 năm qua (2001-2005), Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nỗ lực phấn đấu tiếp tục đẩy nhanh hơn tốc độ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đã đạt được những kết quả rất cơ bản.

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005.

a. Những thành tựu quan trọng.

Từ năm 2001 đến nay, kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục phát triển toàn diện và khá vững chắc.

Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng 5 năm liên tục đạt mức cao, bình quân đạt 15,3%/năm, cao hơn mức tăng GDP bình quân chung của cả nước. Trong đó, theo giá so sánh năm 1994, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 23,1%/năm; dịch vụ: 13,4%; nông nghiệp: 7%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỉ

trọng công nghiệp, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao. Theo giá thực tế, năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tỉ trọng 52,2%; dịch vụ: 26,6%; nông nghiệp: 21,2%. Tương ứng vào thời điểm năm 2000, công nghiệp: 39%; dịch vụ: 29,8%; nông nghiệp: 31,2%. Như vậy, sau 5 năm, công nghiệp tăng 13,2%; nông nghiệp giảm 10%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu có bước tăng đột phá, từ 21,8 triệu USD năm 2000 lên 184,9 triệu USD năm 2005; so với năm 2000, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2005 tăng hơn 8 lần, tăng bình quân 29,7%/năm. Tổng giá trị bán lẻ hàng hoá trên thị trường từ 2.133,2 tỉ đồng năm 2000 lên 3.591 tỉ đồng năm 2005; trong 5 năm (2001-2005), tăng bình quân 11%/năm. Tương ứng, doanh thu du lịch từ 8,5 tỉ đồng lên 264 tỉ đồng, tăng bình quân 98,8%/năm. Tổng mức hàng hoá vận chuyển năm 2000 đạt 2.042,8 ngàn tấn và luân chuyển 102.223 ngàn tấn.km lên 6.059,5 ngàn tấn và 248.729,5 ngàn tấn.km năm 2005; tăng bình quân hàng năm 24,3% và 19,5%. Tổng lượt hành khách vận chuyển năm 2000 đạt 882 ngàn lượt người và 83.387 ngàn lượt người.km lên 2.934,8 lượt người và 370.478,5 lượt người.km năm 2005; tăng bình quân hàng

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

năm 27,2% và 34,8%.

Năm 2000, toàn tỉnh có 18.446 máy điện thoại, bình quân 1,66 máy/100 người; đến năm 2005, có 78.101 máy, bình quân 6,7 máy/100 người.

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2000 đạt 1.018,4 tỉ đồng, năm 2005: 3.440,52 tỉ đồng; đạt tỉ lệ bình quân thu ngân sách trên địa bàn/GDP là 36%/năm (theo giá thực tế). Năm 2005, GDP bình quân đầu người đạt 8,18 triệu đồng (giá thực tế) và 5,3 triệu đồng (giá so sánh năm 1994).

Về văn hoá - xã hội, đời sống văn hoá của nhân dân tiếp tục được cải thiện. *Mạng lưới giáo dục - đào tạo* ngày càng phát triển cả về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Đến nay, khối các trường phổ thông đã có trên 70% số phòng học cao tầng. Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều tiến bộ. Năm 2002, tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh thứ 13 được công nhận hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và trong những năm gần đây được xếp thứ 16 trong 64 tỉnh, thành phố về tỉ lệ học sinh thi đỗ vào đại học, cao đẳng. *Hệ thống y tế* từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư trang thiết bị và bổ sung đội ngũ nhân viên. Đến nay, 98,7% xã có trạm y tế, tăng tỉ lệ bác sĩ/vạn dân từ 2,55 (năm 2000) lên 4 (năm 2005). Các chương trình quốc gia về y tế được triển khai sâu rộng, không để xảy ra dịch bệnh lớn, trên 98% số trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng 6 loại vắc xin. Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 34% năm 2000 giảm xuống còn 25% năm 2005. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2005 còn 12,05%, giảm 0,118% so với năm 2000; đạt mức giảm tỉ suất sinh hàng năm bình quân là 0,041%.

Các thiết chế văn hoá: thư viện, nhà văn hoá, câu lạc bộ, sân chơi, bãi tập thể

dục - thể thao... tiếp tục được tăng cường. Năm 2005, tỉ lệ hộ gia đình đạt chuẩn *Gia đình văn hoá* đạt 80%, tăng 18,1% so với năm 2000.

Trong 5 năm (2001-2005), *giải quyết việc làm* cho 94.000 lao động, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 18.800 lao động. Năm 2005, tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn là 85%, tăng 10% so với năm 2000; tỉ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị còn 2%, giảm 1,95% so với năm 2000.

Song song với quá trình đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, các cấp, các ngành tỉnh Vĩnh Phúc luôn quan tâm nâng cao đời sống cho nhân dân trong tỉnh. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh có 15.700 hộ thoát khỏi đói nghèo, đưa tỉ lệ hộ nghèo từ 12,26% (năm 2000) xuống còn 5,6% năm 2005 (theo tiêu chí cũ) (còn 18,04% theo tiêu chí mới). Đồng thời, nâng tỉ lệ hộ dân ở nông thôn được dùng nước sạch từ 40% (năm 2000) lên 80% (năm 2005).

Đời sống vật chất và văn hoá ngày càng được cải thiện, công ăn việc làm ổn định đã góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

b. Những mặt bất cập.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc còn bộc lộ một số mặt bất cập, cần được khắc phục trong những năm tiếp theo. Đó là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm qua tuy đạt ổn định ở mức cao nhưng còn tiềm ẩn những yếu tố chưa vững chắc: năng lực sản xuất còn nhỏ bé, sức cạnh tranh còn hạn chế; nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn vốn lại hạn hẹp, dẫn tới thi công kéo dài, chậm đưa vào khai thác, giảm hiệu quả đầu tư.

- Công tác quy hoạch và chuẩn bị đầu tư triển khai còn chậm, chưa đáp ứng

được yêu cầu phát triển.

- Sản xuất công nghiệp khu vực kinh tế trong nước quy mô nhỏ bé, công nghệ lạc hậu, tỉ trọng giá trị sản xuất chỉ chiếm khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiểu thủ công nghiệp phát triển làng nghề còn manh mún, công nghệ sản xuất đơn giản. Công tác đào tạo nghề phục vụ phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp còn bất cập so với yêu cầu.

- Sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, chưa phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá với khối lượng lớn, chất lượng sản phẩm còn thấp; trang trại quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Chất lượng hoạt động dịch vụ còn thấp, cơ sở vật chất kĩ thuật thiếu đồng bộ; du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, nhiều điểm du lịch hấp dẫn chưa được khai thác hiệu quả.

- Công tác xã hội hoá giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao triển khai chậm. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhìn chung, tuy còn những mặt bất cập do xuất phát điểm cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn lực của tỉnh còn thấp nhưng với những thành tựu đã đạt được trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt trong 5 năm qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã tạo được bước đột phá, tạo ra tiền đề vật chất và tinh thần rất cơ bản để tiếp tục đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm tiếp theo.

2. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010.

a. Một số mục tiêu chủ yếu.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt

được trong giai đoạn 2001-2005, tỉnh Vĩnh Phúc xác định phấn đấu đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2006-2010 như sau:

Về kinh tế, GDP bình quân (theo giá so sánh 1994) tăng từ 14-14,5%/năm; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân từ 18,5-20%/năm, dịch vụ: 13-14%/năm, nông nghiệp: 5-5,5%/năm. Đến năm 2010, có cơ cấu kinh tế: công nghiệp chiếm tỉ trọng 58,4%, dịch vụ: 27,4%, nông nghiệp: 14,2%; tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt 390 triệu USD; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt tỉ lệ 27-28%/GDP theo giá thực tế; GDP bình quân đầu người đạt 18 triệu đồng.

Về văn hoá - xã hội, đến năm 2010, hoàn thành phổ cập trung học cho thanh niên; 100% xã, phường, thị trấn có bác sĩ và đạt chuẩn quốc gia về y tế; 90% hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hoá và 80% số làng, xã được công nhận đạt chuẩn làng, xã văn hoá; 40-50% lao động được đào tạo nghề; giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) còn dưới 5%; giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 15%; tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số còn dưới 0,95%. Từ năm 2006-2010, giải quyết việc làm bình quân: 24-25 ngàn lao động/năm; giảm tỉ suất sinh bình quân: 0,02-0,03%/năm.

b. Các nhóm giải pháp chính.

Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, trong 5 năm tới, Vĩnh Phúc thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp chính sau đây:

Một là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng quy hoạch, thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với xu hướng phát triển chung của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; quy hoạch phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

triển.

Hai là, trên cơ sở khung pháp lý chung của Nhà nước, Vĩnh Phúc tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về giải phóng mặt bằng, đầu tư vào các khu đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã... nhằm thu hút nhiều hơn số nhà đầu tư; đồng thời có chính sách thu hút nhân tài, thợ bậc cao để tăng chất lượng nguồn nhân lực.

Ba là, tập trung huy động mọi nguồn vốn để phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục tạo điều kiện để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ đưa các dự án vào sản xuất. Loại bỏ dần công nghệ lạc hậu, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghệ sạch và có hàm lượng chất xám cao. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, xây dựng thương hiệu, phấn đấu đạt chất lượng ISO. Có chính sách ưu tiên cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.

Bốn là, xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị ở các đô thị và nâng cấp hệ thống chợ nông thôn miền núi. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nâng cấp hoàn thiện các khu du lịch Tam Đảo, Tây Thiên, Đại Lải, Đầm Vạc, Đầm Và, hồ Thanh Lanh.

Năm là, khai thác và sử dụng hợp lý quỹ đất nông nghiệp. Khuyến khích nông dân dồn điền, đổi thửa đi đôi với chuyển đổi vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao. Mở rộng ứng dụng khoa học tiến bộ kỹ thuật, tạo bước phát triển mới về chất lượng trong sản xuất nông nghiệp. Hoàn thiện hợp tác xã theo mô hình mới, phát triển kinh tế trang trại.

Sáu là, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tăng cường quản lý nhà nước giám sát các công trình xây dựng cơ bản, bảo đảm chất lượng và chống thất

thoát trong đầu tư. Tiếp tục ưu tiên có trọng điểm các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các khu đô thị, các tuyến đường giao thông và các công trình xử lý môi trường ở khu vực nông thôn. Tích cực thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn tại chỗ cho đầu tư cơ sở hạ tầng.

Bảy là, tiếp tục mở rộng các loại hình đào tạo, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư mạng lưới giáo dục - đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề. Xây dựng một trường đào tạo nghề kỹ thuật quy mô cấp quốc gia phục vụ nhu cầu đào tạo nghề của tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Đi đôi với phát triển kinh tế, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tám là, tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng các cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; chính quyền hoạt động thông suốt, có hiệu lực và hiệu quả; các tổ chức chính trị - xã hội tích cực vận động nhân dân tham gia các chương trình kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, triệt để thực hiện cơ chế "Một cửa" ở các cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời, có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Với kinh nghiệm và thành tựu đạt được sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, chắc chắn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc sẽ hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra □